

Bản án số: 209/2022/DS-ST
Ngày 13 - 12 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1968.

Cư trú tại: Ấp Nhân Dân A, xã T, thị xã G, tỉnh B. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Diệp Văn L, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Ấp Hiệp Hải, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ngày 08/10/2020 ông Nguyễn Ngọc H có cho ông Diệp Văn L mượn số tiền 120.000.000 đồng (có biên nhận), khi mượn tiền ông L có đưa cho ông 01 sổ hồng số BX 675297, thửa đất số 10 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/12/2014 cho ông Diệp Văn N, sinh năm 1931 (bản chính) để đảm bảo cho việc mượn tiền của ông. Đồng thời, ông L có giao cho ông 01 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 26/02/2015, do Công chứng viên Nguyễn Thanh B thuộc Văn phòng công chứng H ký; 01 bản sao trích lục khai tử ông Diệp Văn N, do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ký ngày 18/8/2016 (đều bản phô tô), để xác định ông Diệp Văn L được thừa kế thừa

đất số 10 từ ông Diệp Văn N. Trong biên nhận ông L thỏa thuận sau 06 tháng sau ông L sẽ hoàn trả lại số tiền đã mượn cho ông nhưng đến nay ông L không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Diệp Văn L trả lại số tiền gốc mượn 120.000.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng/120.000.000 đồng từ tháng 05/2021 đến thời điểm khởi kiện là 17 tháng với số tiền 16.932.000 đồng, tổng cộng 136.932.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm khởi kiện đến khi giải quyết xét xử xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết theo văn bản ngày 06/12/2022 bị đơn ông Diệp Văn L trình bày: Ông xác định vào năm 2020 ông có vay của ông H 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay ông có đóng lãi cho ông H đến năm 2021 nhưng do dịch bệnh ông không có tiền đóng lãi tiếp cho ông H và ông có hứa với ông H khi nào bán được đất ông trả số tiền vay cho ông H. Sau khi thỏa thuận với ông H đến nay ông chưa bán được đất nên không có tiền trả cho ông H. Theo yêu cầu khởi kiện của ông H, ông đồng ý trả cho ông H 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/12/2022 ông L có đơn đề nghị toà án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết: Ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Diệp Văn L trả tiền mượn. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H về việc buộc ông Diệp Văn L trả số tiền mượn 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo tờ biên nhận do ông H cung cấp có nội dung “...Tôi tên Diệp Văn L ...có mượn số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) của anh Nguyễn Ngọc H ... Và đồng thời có đưa cho cho anh H 01 sổ hồng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 cho anh H giữ. Nếu 06 tháng không trả tiền đủ cho anh H thì anh Huệ sử dụng phần đất đã nêu trên. Ngày 08/10/2020 người mượn tiền ký tên Diệp Văn L”. Cũng như, tại văn bản trình bày ý kiến, ông L thừa nhận có vay tiền của ông H và đồng ý trả ông H số tiền 120.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông L trả cho ông H số tiền 120.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của ông H về tính lãi từ tháng 05/2021 đến thời điểm xét xử là 19 tháng với lãi suất 0.83%/tháng x 120.000.000 đồng = số tiền 18.924.000 đồng; ông L cho rằng vay ông H số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng và ông đóng được đến năm 2021. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngoài lời trình bày, ông Lập không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh việc ông đóng lãi cho ông H nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông. Và theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa

thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Viện dẫn theo điều luật trên, yêu cầu tính lãi của ông Huệ không vượt quá quy định nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H. Buộc ông Diệp Văn L trả cho ông Huệ tổng số tiền vay và lãi là 138.942.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 120.000.000 đồng và tiền lãi 19 tháng 18.924.000 đồng.

[5] Đối với việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông L với ông H. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông L với ông H đúng theo điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật dân sự quy định “...Việc đăng ký là điều kiện để giao dịch bảo đảm có hiệu lực chỉ trong trường hợp luật có quy định”. Và tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai quy định “Việc thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Viện dẫn theo quy định trên, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông L với ông H chưa tuân thủ đúng theo quy định pháp luật nên vô hiệu. Buộc ông H trả cho ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 675279 do ông Diệp Văn N đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/12/2014.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L phải chịu số tiền là 6.947.100 đồng. (138.942.000 đồng x 5%). Vào ngày 09/12/2022 ông L có đơn xin miễn, giảm án phí, xét giá 50% án phí cho ông L, ông L phải chịu số tiền 3.473.500 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 179 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

1. Buộc ông Diệp Văn L trả cho Nguyễn Ngọc H tổng số tiền vay và lãi là 138.942.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng). Trong đó tiền vốn là 120.000.000 đồng và tiền lãi 19 tháng 18.924.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Huệ trả cho ông Diệp Văn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 675279 do ông Diệp Văn N đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/12/2014.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H 3.423.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0013098 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Diệp Văn Lập phải chịu 3.473.500 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam